

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **220/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 20/12/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mei Chin Y, sinh ngày 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 275 đường Thiên Giáp, cụm 9, phường Thiên Giáp, khu Đông, thành phố TT, ĐL

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 14c/89 An Đà, phường Đăng Giang, quận NQ, thành phố HP.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1994 (Xin vắng mặt)

HKTT: Thôn Đào Lạng, xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Mei Chin Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị quen biết và phát sinh tình cảm yêu thương với anh Bùi Văn C tại Đài Loan do thời gian này anh C đi xuất khẩu lao động, sau thời gian tìm hiểu anh chị quyết định kết hôn để chung sống với nhau. Anh chị

kết hôn tự nguyện ngày 25/04/2019 tại UBND huyện LN, tỉnh BG theo giấy chứng nhận kết hôn số: 20 trước sự chứng kiến của hai bên gia đình và họ hàng.

Sau khi kết hôn được ít ngày chị trở lại Đài Loan sinh sống và làm việc, anh Bùi Văn C không có cơ hội sang Đài Loan định cư cùng chị do vậy thỉnh thoảng chị về Việt Nam thăm chồng và gia đình cha mẹ đẻ của chị bởi cha mẹ chị hiện cư trú: xã Đại Hợp, huyện KT, HP. Chị nhận thấy do xa cách nên vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, tính cách và sở thích cá nhân không hòa hợp do tuổi tác hai bên chênh lệch nhiều, vợ chồng nghi kị lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau trên điện thoại gây ức chế trong cuộc sống. Anh chị đã ly thân nhiều tháng nay, không còn quan hệ vợ chồng, không còn yêu thương nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị thấy cần giải phóng quan hệ vợ chồng để mỗi người tự do xây dựng cuộc sống riêng theo ý muốn. Trong quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không có con chung. Chị xin đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C như đã trình bày ở trên.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án phân chia.

** Bị đơn anh Bùi Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu và tiến tới hôn nhân giữa anh và chị Mei Chin Y như chị Mei Chin Y trình bày là đúng. Anh chị quen biết nhau khi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh chị tự nguyện kết hôn ngày 25/4/2019 tại UBND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn chị Mei Chin Y quay trở lại Đài Loan còn anh ở Việt Nam do anh không sang định cư cùng vợ được nên vợ chồng xa cách về địa lý. Thỉnh thoảng chị Mei Chin Y có về thăm gia đình anh vài lần. Khi mới sang Đài Loan, ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Mei Chin Y xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mei Chin Y.

Về con chung: Không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh và chị Mei Chin Y không có tài sản chung và công nợ chung nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án trong vụ án này anh vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong bản tự khai đã trình bày anh không trình bày gì thêm.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Mei Chin Y và anh C xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm không tham gia phiên tòa do không thu thập tài liệu chứng cứ nên không có quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mei Chin Y là người Đài Loan, có địa chỉ tại Số 275 đường Thiên Giáp, cụm 9, phường Thiên Giáp, khu Đông, thành phố Tân Trúc, Đài Loan có đơn xin ly hôn đối với anh Bùi Văn Vương. Bị đơn anh Bùi Văn C là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đào Lạng, xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh BG. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2019 tại UBND huyện LN, tỉnh BG là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng Mei Chin Y và anh Bùi Văn C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Chị Mei Chin Y xin ly hôn anh Bùi Văn C đồng ý. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C không có con chung không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Mei Chin Y và anh Bùi Văn C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Mei Chin Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mei Chin Y được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về án phí: Chị Mei Chin Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000716 ngày 15/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Mei Chin Y hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Bùi Văn C cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND huyện Lục Nam
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường